TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08/9/2022
(V/v: Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không ĐKKH)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tịnh; Ông Vàng Văn Ngọc.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Sùng A Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đường.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên tòa*:**

Bà Bùi Thị Tính - Kiểm sát viên

Ngày 08/9/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 39/2022/TLST - HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2022, về việc Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Giàng A PH, sinh năm 1971

Địa chỉ: Bản XX, xã SB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu. (có mặt).

Bị đơn: Chị Hàng Thị D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Bản XX, xã SB, huyện TĐ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/4/2022, Biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Giàng A PH trình bày: Anh Giàng A PH và chị Hàng Thị D qua tìm hiểu về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993, chỉ tổ chức cưới theo phong tục không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh PH, chị D sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì xẩy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách hai vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, mỗi người một quan điểm, đến đầu năm 2021 chị D đã bỏ nhà

đi nên ly thân từ đó đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên anh PH làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh Giàng A PH và chị Hàng A D có 06 con chung là Giàng A TH, sinh ngày 25/01/1993; Giàng Thị C, sinh ngày 22/12/1997; Giàng Thị D1 sinh ngày 13/01/2002; Giàng Thị D2, sinh ngày 09/10/2006; Giàng Thị S sinh ngày 18/02/2007 và Giàng A D3 sinh ngày 06/12/2009. Hiện nay ba con chung là Giàng A TH, Giàng Thị C, Giàng Thị D1 đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ba con chung là Giàng Thị D2, Giàng Thị S, Giàng A D3 trong đơn khởi kiện anh PH có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong biên bản lấy lời khai anh PH khai nhận anh PH và chị Hàng Thị D đã thỏa thuận anh PH sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Giàng A D3 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Hàng Thị D sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Giàng Thị D2 và Giàng Thị S đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại cả ba con chung là cháu Giàng Thị D2, Giàng Thị S, Giàng A D3 đang ở cùng với anh Giàng A PH. Anh PH làm ruộng và đi làm thuê thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng. Về chia tài sản: tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Giàng A PH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn chị Hàng Thị D trình bày: Về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh PH đúng như anh PH đã trình bày, chị D và anh PH đã ly hôn từ đầu năm 2021 đến nay, hiện tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh PH xin ly hôn chị đồng ý ly hôn. Hiện chị D không mang thai hay nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Về con chung, chị D và anh PH thỏa thuận anh PH sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Giàng A D3 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Hàng Thị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Giàng Thị D2 và Giàng Thị S đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị D làm nghề tự do thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị D còn làm thêm nương và ruộng thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị Hàng Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản ghi lời khai ngày 03 tháng 6 năm 2022 của cháu Giàng Thị S và Giàng Thị D2 thể hiện: Cháu Sáng, cháu Diêu là con chung của anh Giàng A PH và

chị Hàng A D, các cháu không có tài sản riêng. Nay anh PH, chị D ly hôn cháu Sáng, cháu Diêu có nguyện vọng được ở với chị D.

Biên bản ghi lời khai ngày 03 tháng 6 năm 2022 của cháu Giàng A D3 thể hiện: Cháu Dơ là con chung của anh Giàng A PH và chị Hàng A D, cháu không có tài sản riêng. Nay anh PH, chị D ly hôn cháu Dơ có nguyện vọng được ở với anh PH.

Tại biên bản xác minh ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa Tòa án nhân dân huyện TĐ và chính quyền địa phương xã SB xác định: Anh Giàng A PH và chị Hàng Thị D chung sống như vợ chồng từ năm 1993 cho đến nay, không đăng ký kết hôn. Chị Hàng Thị D và anh Giàng A PH thu nhập mỗi người mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng, ngoài ra anh PH và chị D còn làm thêm ruộng, nương nên thu nhập của anh PH, chị D đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Tại phiên hòa giải ngày 19/7/2022, anh Giàng A PH và chị Hàng Thị D thỏa thuận được anh Giàng A PH sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Giàng A D3 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Hàng Thị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Giàng Thị D2 và Giàng Thị S đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Giàng A PH và chị Hàng Thị D chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn do đó Tòa án nhân dân huyện Tam Đường đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ngay sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho chị Hàng Thị D. Tại phiên tòa sơ thẩm xét xử ngày 19 tháng 8 năm 2022, bị đơn chị Hàng Thị D vắng mặt không có lý do, HĐXX thảo luận và quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Hàng Thị D tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị Hàng Thị D vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đường tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cũng như các văn bản pháp lý liên quan. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử là đảm bảo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 54, Điều 57; Điều 81;

Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố nguyên đơn Giàng A PH và bị đơn Hàng Thị D không phải là vợ chồng. Về con chung: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, anh Giàng A PH sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Giàng A D3 đến khi thành nên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Hàng Thị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Giàng Thị D2 và Giàng Thị S đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Miễn nộp án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình: *"Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"*, bị đơn Hàng Thị D cư trú tại Bản XX, xã SB, huyện R, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.

Trước thời điểm mở phiên tòa, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A PH và chị Hàng Thị D chung sống với nhau từ năm 1993, không đăng ký kết hôn theo quy định, do vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa anh Giàng A PH và chị Hàng Thị D là hôn nhân không hợp pháp, đã vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi lấy nhau anh PH và chị D chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 anh PH và chị D phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay anh Giàng A PH xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh PH đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hàng Thị D. Quá trình giải quyết vụ án, xác định được mâu thuẫn của vợ chồng anh PH, chị D đã

trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại chị D không man thai và nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Quan hệ hôn nhân giữa anh PH, chị D là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh PH, căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 9, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố anh PH, chị D không phải là vợ chồng.

[3]. Việc nuôi con: Anh Giàng A PH và chị Hàng A D có 06 con chung: Cháu Giàng A TH, sinh ngày 25/01/1993; Giàng Thị C, sinh ngày 22/12/1997; Giàng Thị D1 sinh ngày 13/01/2002 đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Giàng Thị D2, Giàng Thị S đã trên 07 tuổi và nguyện vọng của các cháu là được ở cùng với mẹ, đối với cháu Giàng A D3 đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với bố, do vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận nguyện vọng của các cháu.

Hơn nữa, tại phiên hòa giải ngày 19/7/2022 anh Giàng A PH và chị Hàng Thị D đã thỏa thuận được anh PH sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Giàng A D3 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Hàng Thị D sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Giàng Thị D2 và Giàng Thị S đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong đơn xin xét xử vắng mặt của chị Hàng Thị D thể hiện chị D và anh PH đã thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án nên không có ý kiến gì thêm. Xét thấy sự thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[4]. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án anh Giàng A PH xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh anh PH là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Giàng A PH thuộc trường hợp miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 9, Điều 15, Điều 53, Điều 54, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Giàng A PH.

2. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố anh Giàng A PH và chị Hàng Thị D không phải là vợ chồng.

3. Việc nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Giàng A PH là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Giàng A D3 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị Hàng Thị D là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Giàng Thị D2 và Giàng Thị S đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Giàng A PH và chị Hàng Thị D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Giàng A PH và chị Hàng Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn anh Giàng A PH.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Tam Đường;
- Chi cục THADS huyện Tam Đường;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu HS.

Hồ Thị Tuyết